



ĐỀ THI THAM KHẢO 02
(Đề thi có 04 trang)

KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 41: Tài nguyên sinh vật nước ta bị suy giảm rõ rệt là do

- A. biến đổi khí hậu. B. có nhiều thiên tai. C. khai thác quá mức. D. dân số tăng nhanh.

Câu 42: Biện pháp để giảm thiểu ngập lụt ở nước ta là xây dựng

- A. công trình thủy lợi. B. công trình giao thông. C. công trình thoát lũ. D. công trình thủy điện..

Câu 43: Du lịch nước ta hiện nay .

- A. chủ yếu khách nội địa. B. du khách giảm. C. doanh thu giảm dần. D. sản phẩm ít đa dạng.

Câu 44: Vùng thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển nước sâu ở nước ta là

- A. Bắc Trung Bộ. B. Nam Trung Bộ. C. Tây Nguyên. D. Đông Nam Bộ.

Câu 45: Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu của việc khai thác chiều sâu trong lâm nghiệp ở Đông Nam Bộ là

- A. nước ngọt. B. năng lượng. C. bảo vệ rừng. D. bảo vệ đất.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích lớn nhất?

- A. Quảng Ngãi. B. Quảng Bình. C. Lạng Sơn. D. Quảng Nam.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trong các tỉnh sau đây, tỉnh nào có nhiệt độ trung bình tháng VII thấp nhất?

- A. Quảng Ninh. B. Nghệ An. C. Hà Tiên. D. Điện Biên.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ nào sau đây thuộc lưu vực hệ thống sông Cả?

- A. Hồ Kẻ Gỗ. B. Hồ Thác Bà. C. Hồ Dầu Tiếng. D. Hồ Yali.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây nằm trên cánh cung Đông Triều?

- A. Núi Tam Đảo. B. Núi Yên Tử. C. Núi Phú Lương. D. Núi Mẫu Sơn.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số cao nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Tây Ninh. B. Long An. C. Cà Mau. D. Cần Thơ.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trong các tỉnh sau đây, tỉnh nào có GDP bình quân tính theo đầu người cao nhất của các tỉnh?

- A. Bình Định. B. Nha Trang. C. Bình Thuận. D. Quảng Nam.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có tỉ lệ diện tích gieo trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng lớn nhất ?

- A. Quảng Trị. B. Quảng Bình. C. Kon Tum. D. Gia Lai.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết ngành công nghiệp nào sau đây có ở trung tâm Cẩm Phả?

- A. Điện Tử. B. Hóa chất. C. Đóng tàu. D. Dệt may.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm nào có quy mô lớn nhất trong các trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng sau đây?

- A. Quy Nhơn. B. Cần Thơ. C. Tây Ninh. D. Thanh Hóa.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng nào sau đây là cảng biển?

- A. Cảng Sơn Tây. B. Cảng Sài Gòn. C. Cảng Việt Trì. D. Cảng Cần Thơ.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây là tài nguyên du lịch nhân văn?

- A. Hoàng Liên. B. Bình Châu. C. Củ Chi. D. Hội Vân.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết điểm khai thác than nâu thuộc tỉnh nào sau đây của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Thái Bình. B. Hải Dương. C. Nam Định. D. Ninh Bình.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết đàn bò được nuôi nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Hà Tĩnh. C. Nghệ An. D. Quảng Bình.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nước khoáng có nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Thuận. B. Phú Yên. C. Quảng Nam. D. Quảng Ngãi.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết đường số 51 nối Biên Hòa với địa điểm nào sau đây?

- A. Tân An. B. Bà Rịa. C. Tây Ninh. D. Đồng Xoài.

Câu 61: Cho bảng số liệu:

GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2013 – 2019 (Đơn vị: USD)

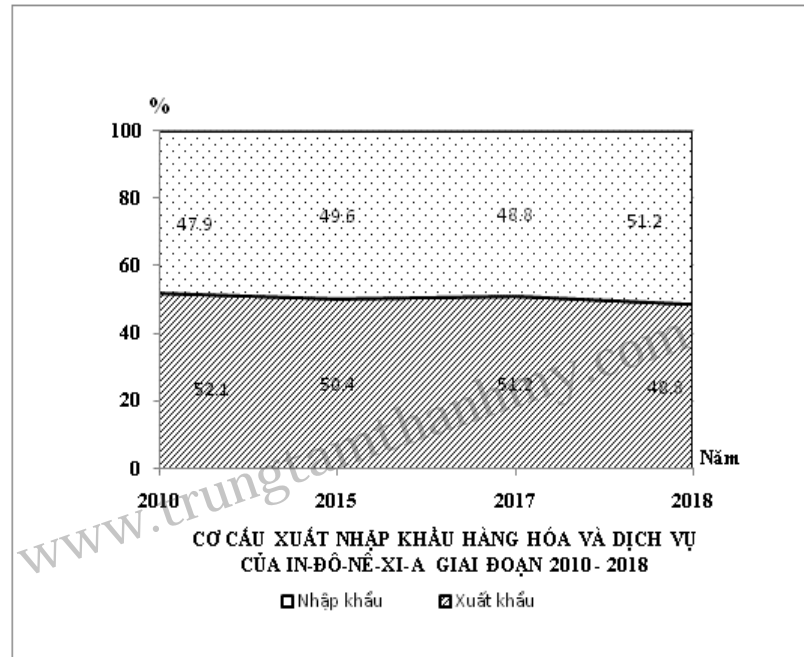
Năm	2013	2015	2016	2019
Ma-lai-xi-a	10882	9649	9508	10859
Xin-ga-po	56029	53630	52962	62980
Mi-an-ma	1171	1139	1196	1310
Việt Nam	1907	2109	2215	3443

(Theo báo cáo IMF, năm 2020)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về thu nhập bình quân đầu người của một số nước Đông Nam Á năm 2019 so với 2013?

- A. GDP bình quân đầu người của Ma-lai-xi-a tăng nhanh hơn Mi-an-ma.
 B. GDP bình quân đầu người của Việt Nam tăng nhanh hơn Mi-an-ma.
 C. GDP bình quân đầu người của Xin-ga-po tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a.
 D. GDP bình quân đầu người của Ma-lai-xi-a nhanh hơn Xin-ga-po.

Câu 62: Cho biểu đồ:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh về cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của In-đô-nê-xi-a giai đoạn 2010 -2018.

- A. Năm 2010 – 2017 luôn xuất siêu, năm 2018 nhập siêu.
 B. Xuất khẩu tăng, cán cân thương mại của luôn nhập siêu.
 C. Giá trị nhập khẩu có xu hướng tăng, luôn xuất siêu.
 D. Giá trị xuất khẩu có xu hướng giảm, luôn nhập siêu.

Câu 63: Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên

- A. gió Tín Phong hoạt động quanh năm. B. lượng mưa lớn tập trung theo mùa.
 C. giàu tài nguyên khoáng sản và sinh vật. D. chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai.

Câu 64: Dân cư nước ta hiện nay

- A. phân bố đều khắp giữa các vùng. B. tập trung chủ yếu ở đồng bằng.
 C. quy mô dân số có xu hướng giảm. D. gia tăng dân số tự nhiên rất cao.

Câu 65: Mạng lưới đô thị nước ta hiện nay

- A. phân bố không đều giữa các vùng. B. dân cư đông, thiếu việc làm cao.
 C. phân bố đều khắp giữa các vùng. D. dựa chủ yếu vào kinh tế nông nghiệp.

Câu 66: Tỷ lệ dịch vụ trong cơ cấu kinh tế theo ngành nước ta tăng lên là biểu hiện của

- A. việc tăng trưởng dịch vụ. B. sự tăng trưởng nông nghiệp.
 C. sự phát triển công nghiệp. D. phát triển kinh tế hàng hóa.

Câu 67: Ngành nông nghiệp nước ta hiện nay

- A. các khâu trong sản xuất đã được hiện đại hóa. B. nền nông nghiệp thâm canh, trình độ rất cao.
 C. chăn nuôi chiếm ưu thế so với ngành trồng trọt. D. sản phẩm đa dạng, nhu cầu thị trường lớn.

Câu 68: Ngành lâm nghiệp của nước ta hiện nay

- A. có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế các tỉnh. B. chủ yếu là rừng đặc dụng và rừng sản xuất.
 C. hiệu quả cao trong phát triển du lịch sinh thái. D. chủ yếu khai thác, chế biến gỗ và lâm sản.

Câu 69: Giao thông vận tải đường sông nước ta

- A. được khai thác trên tất cả hệ thống sông. B. có mạng lưới phủ rộng khắp tất cả các vùng.

C. chỉ tập trung ở một số hệ thống sông chính. D. phát triển khá nhanh, cơ sở vật chất hiện đại.

- Câu 70:** Các bãi triều, đầm phá, cánh rừng ngập mặn ven biển nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển
- A. khai thác khoáng sản và hoạt động du lịch. B. khai thác khoáng sản và giao thông vận tải.
C. trồng rừng ngập mặn và thủy sản nước ngọt. D. nuôi trồng thủy sản nước lợ và nước mặn.

Câu 71: Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lý của Nhà nước
B. tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế
C. khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm
D. nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh

Câu 72: Thế mạnh chủ yếu để sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
B. cơ cấu ngành đa dạng, nguồn nguyên liệu phong phú.
C. đất phù sa màu mỡ, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
D. lao động giàu kinh nghiệm, trình độ thâm canh cao.

Câu 73: Thuận lợi để phát triển nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. bờ biển dài, có các vịnh nước sâu kín gió. B. giàu nguồn lợi hải sản và có các ngư trường lớn.
C. có quần đảo, nhiều bãi biển đẹp, khí hậu tốt. D. độ mặn nước biển cao, có các đảo, quần đảo lớn.

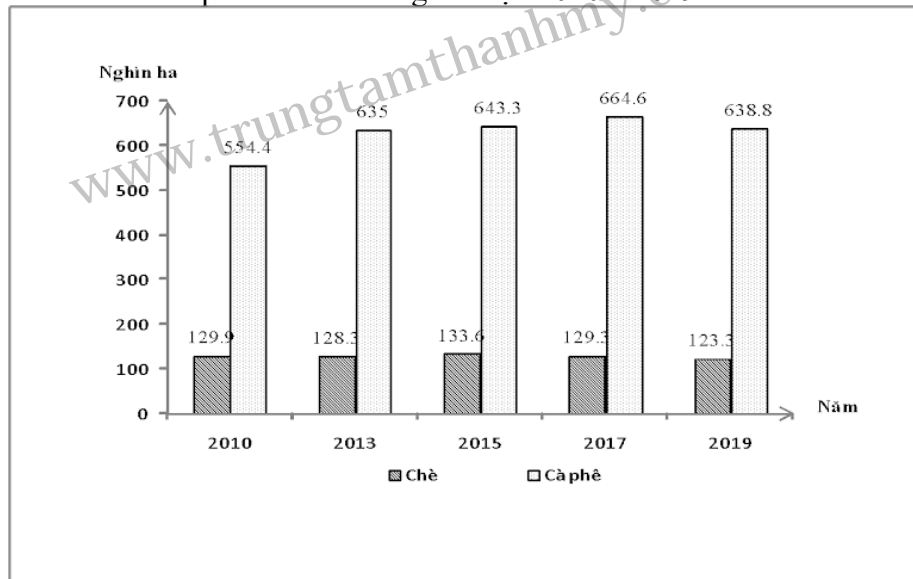
Câu 74: Ý nghĩa chủ yếu nhất của việc bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn ở Bắc Trung Bộ là

- A. hạn chế xâm nhập mặn và triều cường ven biển.
B. bảo vệ đa dạng sinh học, điều hòa nguồn nước.
C. hạn chế tác hại lũ lụt đột ngột trên các sông ngắn dốc.
D. tạo điều kiện chắn gió, bão, ngăn cát bay, cát chảy.

Câu 75: Đồng bằng Sông Cửu Long cần phải đặt vấn đề sử dụng hợp lý và cải tạo tài nguyên đất chủ yếu là do

- A. mực nước sông hạ thấp, mặt nước nuôi trồng thủy sản bị thu hẹp.
B. nguy cơ cháy rừng xảy ra nhiều nơi, đa dạng sinh học bị đe dọa.
C. nước xâm nhập sâu vào đất liền, độ chua và độ mặn trong đất tăng.
D. một số thiên tai xảy ra, diện tích đất phèn, đất mặn mở rộng thêm.

Câu 76: Cho biểu đồ về chè và cà phê của nước ta giai đoạn 2010 – 2019:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô, cơ cấu diện tích chè và cà phê nước ta qua các năm.
B. Quy mô diện tích chè và cà phê nước ta giai đoạn 2010 – 2019.
C. Sự thay đổi cơ cấu diện tích chè và cà phê nước ta qua các năm.
D. Tốc độ tăng trưởng chè và cà phê nước ta giai đoạn 2010 – 2019.

Câu 77: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta có sự phân hóa sâu sắc là do tác động kết hợp của

- A. lượng bức xạ Mặt Trời, hoạt động gió mùa, độ cao địa hình.
B. vị trí địa lý, hình dạng lãnh thổ, hoạt động gió mùa, địa hình.
C. hướng của các dãy núi, tác động của các cơn bão, dòng biển.
D. vị trí địa lý, độ cao của địa hình, thảm thực vật và gió Phơn.

Câu 78: Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu là vấn đề tiêu biểu trong sự phát triển của vùng Đông Nam Bộ là do

- A. dẫn đầu cả nước giá trị sản xuất công nghiệp, giá trị hàng xuất khẩu
B. đây là vùng có cơ cấu kinh tế phát triển hơn các vùng khác trong nước.
C. sự phát triển kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của vùng.
D. sức ép dân số lên các vấn đề kinh tế - xã hội và tài nguyên, môi trường.

Câu 79: Ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. tăng cường mối quan hệ với hai vùng kinh tế năng động của đất nước.

- B. thu hút thêm nguồn đầu tư, mở rộng vùng hậu phương cảng cho vùng.
 C. tăng cường khả năng cạnh tranh cho vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.
 D. tạo ra thế mở cửa hơn nữa cho vùng và cho sự phân công lao động mới.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY CỦA NƯỚC TA
 NĂM 2005 VÀ 2018 (Đơn vị: Nghìn ha)**

Năm	Tổng số	Cây lương thực có hạt	Cây công nghiệp hàng năm	Cây công nghiệp lâu năm	Cây ăn quả
2015	11646,0	8383,5	861,5	1633,6	767,4
2018	12410,8	8611,3	581,7	2228,4	989,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô và cơ cấu diện tích các loại cây trồng của nước ta năm 2005 và 2018, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Kết hợp. C. Đường. D. Tròn.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

CẤU TRÚC ĐỀ THI THAM KHẢO

Chuyên đề		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng
Địa 11 (2 câu)	Địa lí khu vực và QG	0	0	0	0	0
	Kĩ năng địa lí	0	2	0	0	2
Địa 12 (38 câu)	Địa lí tự nhiên	1	1	0	1	3
	Địa lí dân cư	0	2	0	0	2
	Địa lí các ngành KT	3	4	1	0	8
	Địa lí vùng KT	1	1	4	2	8
	Kĩ năng địa lí	15	0	1	1	17
Tổng (câu)		20	10	6	4	40
Tỉ lệ (%)		50	25	15	10	100
		75		25		

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
C	C	A	B	C	D	D	A	B	D
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
B	D	C	B	B	C	A	C	A	B
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
B	A	A	B	A	A	D	A	C	D
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
B	C	B	C	C	B	B	C	D	D

CÂU	ĐÁP ÁN	GIẢI CHI TIẾT
41	C	Tài nguyên sinh vật nước ta bị suy giảm rõ rệt là con người do khai thác quá mức tài nguyên
42	C	Biện pháp hiệu quả để giảm thiểu ngập lụt ở nước ta là xây dựng công trình thoát lũ.
43	A	Du lịch nước ta hiện nay có số khách du lịch và doanh thu du lịch tăng nhanh nhờ chính sách đổi mới của nhà nước nhưng chủ yếu là khách nội địa
44	B	Vùng thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển ở nước ta là Nam Trung Bộ, do có nhiều vũng vịnh sâu, kín gió, ít bị sa bồi.
45	C	Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu của việc khai thác chiêu sâu trong lâm nghiệp ở Đông Nam Bộ là vấn đề bảo vệ rừng ở thượng lưu các sông nhằm tránh mất nước ở các hồ chứa.
46	D	Sử dụng SATlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5.
47	D	Sử dụng SATlat Địa lí Việt Nam trang 9.
48	A	Sử dụng Satlat Địa lí Việt Nam trang 10
49	B	Sử dụng Satlat Địa lí Việt Nam trang 13
50	D	Sử dụng SATlat Địa lí Việt Nam trang 15.

51	B	Sử dụng SATlat Địa lí Việt Nam trang 17.
52	D	Sử dụng Satlat Địa lí Việt Nam trang 19.
53	C	Sử dụng SATlat Địa lí Việt Nam trang 21.
54	B	Sử dụng SATlat Địa lí Việt Nam trang 22.
55	B	Sử dụng SATlat Địa lí Việt Nam trang 23.
56	C	Sử dụng SATlat Địa lí Việt Nam trang 25.
57	A	Sử dụng SATlat Địa lí Việt Nam trang 26.
58	C	Sử dụng SATlat Địa lí Việt Nam trang 27
59	A	Sử dụng Satlat Địa lí Việt Nam trang 28.
60	B	Sử dụng SATlat Địa lí Việt Nam trang 29.
61	B	Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét đúng về thu nhập bình quân đầu người của một số nước Đông Nam Á năm 2019 so với 2013 là GDP bình quân đầu người của Việt Nam tăng nhanh hơn Mi-an-ma.
62	A	Theo biểu đồ, nhận xét đúng khi so sánh về cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của In-đô-nê-xi-a giai đoạn 2010 -2018 là năm 2010 – 2017 luôn xuất siêu, năm 2018 nhập siêu.
63	A	Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên gió Mậu dịch (Tín Phong) hoạt động quanh năm, tuy nhiên cường độ yếu và chỉ mạnh lên vào thời kì chuyển tiếp giữa 2 mùa gió.
64	B	Dân cư nước ta hiện nay phân bố không đều, dân cư tập trung chủ yếu ở đồng bằng, thưa ở miền núi. Đồng bằng chiếm tới 75% dân số.
65	A	Mạng lưới đô thị nước ta hiện nay phân bố không đều giữa các vùng. Vùng có nhiều đô thị nhất là Trung du miền núi Bắc Bộ.
66	A	Tỉ lệ dịch vụ trong cơ cấu kinh tế theo ngành nước ta tăng lên là biểu hiện của sự tăng trưởng và phát triển ngành dịch vụ.
67	D	Ngành nông nghiệp nước ta hiện nay có sản phẩm đa dạng, nhu cầu tiêu thụ của thị trường lớn.
68	A	Ngành lâm nghiệp của nước ta hiện nay có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế các tỉnh.(SGK trang 104 ĐL 12)
69	C	Nước ta có nhiều điều kiện để phát triển giao thông vận tải đường sông, nhưng mới chỉ sử dụng khoảng 11000 km vào mục đích giao thông. Vận tải đường sông chủ yếu ở một số hệ thống sông chính như sông Hồng – Thái Bình, Mê Kông – Đồng Nai và một số sông lớn ở Miền Trung.
70	D	Các bãi triều, đầm phá, cánh rừng ngập mặn ven biển nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ và nước mặn.
71	B	Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do việc nước ta tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế, thúc đẩy nhu cầu trao đổi, buôn bán và giao lưu kinh tế - hàng hóa – văn hóa – xã hội với các nước, vùng lãnh thổ trên thế giới.
72	C	Thế mạnh chủ yếu để sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Hồng là đất phù sa màu mỡ, diện tích rộng lớn, thuận lợi cho việc sản xuất lương thực với quy mô lớn và khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
73	B	Thuận lợi để phát triển nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ là giàu nguồn lợi hải sản và có các ngư trường lớn như Hoàng Sa – Trường Sa.
74	C	Bắc Trung Bộ là dải lãnh thổ dài và hẹp ngang, đồng bằng ven biển hẹp, vùng đồi núi phía tây có địa hình dốc, sông ngắn và dốc, thủy chế thất thường. Việc trồng rừng có ý nghĩa to lớn đối với sản xuất và đời sống dân cư của vùng trong việc hạn chế tác hại lũ lụt đột ngột trên các sông ngắn dốc.
75	C	Đồng bằng Sông Cửu Long cần phải đặt vấn đề sử dụng hợp lí và cải tạo tài nguyên đất chủ yếu là do nước xâm nhập sâu vào đất liền, độ chua và độ mặn trong đất tăng. Vì vậy việc sử dụng hợp lí và cải tạo đất trở thành vấn đề quan trọng nhằm biến Đồng bằng sông Cửu Long trở thành một khu vực kinh tế quan trọng của đất nước trên cơ sở phát triển bền vững.
76	B	Biểu đồ thể hiện quy mô diện tích chè và cà phê nước ta giai đoạn 2010 – 2019.
77	B	Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta có sự phân hóa sâu sắc là do tác động kết hợp của vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ, hoạt động gió mùa, địa hình.
78	C	ĐNB có nhiều điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội thuận lợi cho phát triển kinh tế; vị trí địa lí, chính sách phát triển, cơ sở vc kĩ thuật, thu hút nhiều vốn đầu tư trong và ngoài nước. Trong điều kiện nền kinh tế hội

		nhập, chỉ có khai thác lãnh thổ theo chiều sâu mới phát huy được hiệu quả nhất các nguồn lực này, mang lại năng suất chất lượng.
79	D	Ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở duyên hải Nam Trung Bộ là tạo ra thế mở cửa hơn nữa cho vùng và cho sự phân công lao động mới.
80	D	Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô và cơ cấu diện tích các loại cây trồng của nước ta năm 2005 và 2018, dạng biểu đồ tròn là thích hợp nhất.

----- HẾT -----

Trang / - Mã đề thi 102

www.trungtamthanhmy.com